

Số: 1872/QĐ-UBND

Nam Định, ngày 30 tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**V/v phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch xây dựng vùng huyện Xuân Trường,
tỉnh Nam Định đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/06/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch năm ngày 20/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/05/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1729/QĐ-TTg ngày 28/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Nam Định thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Thông tư 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Căn cứ Thông báo số 74/TB-UBND ngày 11/5/2021 của UBND tỉnh Nam Định về việc lập điều chỉnh Quy hoạch xây dựng vùng huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Căn cứ Quyết định số 2571/QĐ-UBND ngày 30/11/2021 của UBND tỉnh Nam Định về việc phê duyệt nhiệm vụ và dự toán lập điều chỉnh Quy hoạch xây dựng vùng huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Xét văn bản số 85/SXD-QH ngày 26/6/2024 của Sở Xây dựng về việc thẩm định đồ án điều chỉnh Quy hoạch xây dựng vùng huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Theo đề nghị của UBND huyện Xuân Trường tại Tờ trình số 207/TTr-UBND ngày 20/8/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch xây dựng vùng huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050, với nội dung sau:

I. TÊN ĐỒ ÁN

Điều chỉnh Quy hoạch xây dựng vùng huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

II. THÀNH PHẦN BẢN VẼ

1. Sơ đồ vị trí và liên hệ vùng (QH-01)
2. Bản đồ hiện trạng phân bố dân cư và sử dụng đất (QH-02)
3. Bản đồ hiện trạng hạ tầng kỹ thuật (QH-03)
4. Bản đồ phân vùng quản lý phát triển (QH-04)
5. Bản đồ định hướng phát triển không gian vùng (QH-05)
6. Bản đồ định hướng hạ tầng chuẩn bị kỹ thuật (QH-06)
7. Bản đồ định hướng hạ tầng giao thông (QH-07)
8. Bản đồ định hướng hạ tầng cấp nước, thoát nước, xử lý nước thải, quản lý chất thải rắn và nghĩa trang (QH-08)
9. Bản đồ định hướng hạ tầng hệ thống điện, cung cấp năng lượng (QH-09)
10. Bản đồ định hướng hạ tầng viễn thông thụ động (QH-10)

III. QUY MÔ, PHẠM VI LẬP QUY HOẠCH

Phạm vi lập quy hoạch bao gồm toàn bộ phạm vi ranh giới hành chính huyện Xuân Trường, có diện tích là 116,09 km² (11.609 ha). Trong đó:

- Phía Bắc giáp sông Hồng;
- Phía Nam giáp huyện Hải Hậu và huyện Giao Thủy;
- Phía Tây giáp sông Ninh Cơ;
- Phía Đông giáp huyện Giao Thủy và sông Hồng.

IV. QUAN ĐIỂM VÀ MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN VÙNG

1. Quan điểm

- Phát triển huyện Xuân Trường thời kỳ 2021-2030 trên cơ sở đảm bảo tính kế thừa, phù hợp, thống nhất, đồng bộ với mục tiêu, định hướng của quốc gia, của vùng Đồng bằng sông Hồng và tỉnh Nam Định. Đảm bảo quốc phòng, an ninh; bảo vệ môi trường.

- Phát triển huyện Xuân Trường theo hướng ổn định - bền vững - công bằng; đảm bảo 4 mục tiêu: Kinh tế, xã hội, môi trường bền vững và ổn định an ninh chính trị, trật tự an toàn và công bằng xã hội, thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Phát triển huyện Xuân Trường có không gian rộng mở kết nối với vùng kinh tế biển tỉnh Nam Định và tỉnh Thái Bình, thương mại dịch vụ quy hoạch phát triển theo QL.21 (từ chân cầu Lạc Quần đến ngã tư Hải Hậu), ĐT.489 (từ thị trấn Xuân Trường đến phà Sa Cao) và ĐT.489C. Quy hoạch xây dựng và phát triển trục đô thị: Thị trấn Xuân Trường - Hồng Ngọc.

- Phát triển kinh tế gắn với giải quyết tốt các vấn đề xã hội. Chú trọng các biện pháp bảo vệ môi trường tại các khu, cụm công nghiệp, các làng nghề, đô thị và vùng nông thôn.

- Kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với củng cố thể trận quốc phòng - an ninh, củng cố thể trận khu vực phòng thủ huyện, bảo đảm trật tự an toàn xã hội và ổn định an ninh nông thôn, vùng đồng bào có đạo.

2. Mục tiêu

- Phát huy lợi thế về nền tảng sản xuất công nghiệp để phát triển kinh tế - xã hội huyện Xuân Trường theo hướng phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp là chủ lực, nhất là ngành cơ khí phục vụ sản xuất nông nghiệp, xử lý chất thải, cơ khí đóng tàu. Khai thác tiềm năng đất đai và kinh nghiệm trong thâm canh để phát triển kinh tế nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hoá gắn với chế biến. Chú trọng công tác bảo vệ môi trường, nâng cao chất lượng giáo dục.

- Xác định khung hạ tầng kỹ thuật chung của huyện, khớp nối các quy hoạch chuyên ngành tạo lập các cơ sở phát triển hệ thống đô thị, khu, cụm công nghiệp và các khu chức năng khác trong vùng.

- Phát huy hiệu quả mối quan hệ nội, ngoại vùng; tăng cường thu hút đầu tư, phát triển mạnh công nghiệp, thương mại, dịch vụ, nông nghiệp hữu cơ, sản phẩm hàng hóa theo chuỗi giá trị.

- Phát triển toàn diện các lĩnh vực văn hóa - xã hội. Nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo. Chú trọng bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân, đảm bảo an sinh xã hội. Củng cố quốc phòng, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn, xã hội.

V. ĐỘNG LỰC VÀ TIỀM NĂNG PHÁT TRIỂN CỦA VÙNG

Xuân Trường nằm trong vùng kinh tế biển của tỉnh, huyện có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội được tập trung nâng cấp có trọng điểm, nhất là hệ thống giao thông đường bộ, hệ thống điện, hệ thống thông tin liên lạc, giáo dục,... được đầu tư, nâng cấp hiện đại, tạo tiền đề vững chắc cho phát triển kinh tế - xã hội của huyện. Lực lượng lao động đa phần có tay nghề, đã qua đào tạo góp phần không nhỏ trong việc thúc đẩy phát triển các ngành công nghiệp chủ lực như: dệt may, cơ khí, đóng tàu, sản xuất vật liệu xây dựng,... Trong giai đoạn quy hoạch, trên địa bàn huyện hình thành 02 khu công nghiệp và một số cụm công nghiệp sẽ tạo thêm tiền đề và năng lực cho phát triển.

- Phát triển gắn với hạ tầng khung quốc gia và tỉnh, nằm trên các hành lang kinh tế mới (trục phát triển Bắc Nam của tỉnh Nam Định) kết nối vùng huyện, liên huyện và vùng đồng bằng duyên hải Bắc Bộ, đặc biệt là hành lang phát triển dọc tuyến cao tốc Quảng Ninh - Hải Phòng - Ninh Bình, khai thác lợi thế giáp với vùng kinh tế ven biển tỉnh Nam Định (huyện Giao Thủy, huyện Hải Hậu) và là trung tâm vùng đô thị phía Nam của tỉnh, ưu thế về phát triển công nghiệp, đô thị, dịch vụ.

- Nền tảng về phát triển sản xuất công nghiệp - xây dựng - dịch vụ: Phát huy lợi thế hiện có với tỷ trọng lớn về công nghiệp dịch vụ lớn và nền tảng sản xuất công nghiệp về công nghiệp chế tạo, cơ khí và tiêu thủ công nghiệp. Đồng thời là một trong những vùng trọng điểm lúa của tỉnh, điều kiện tự nhiên thuận lợi cho phát triển nông nghiệp, đặc biệt là lúa đặc sản và trồng cây công nghiệp ngắn ngày.

- Kết cấu hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật đồng bộ, được tập trung đầu tư, nâng cấp đồng bộ, đặc biệt là hệ thống giao thông đường bộ (hệ thống đường tỉnh, huyện lộ, các trục liên xã và đường đô thị),... tạo tiền đề cho thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh quốc phòng.

VI. MỘT SỐ DỰ BÁO

1. Về phát triển kinh tế

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân năm giai đoạn 2020-2025 đạt 12,5% trở lên, giai đoạn 2026-2030 đạt 13% trở lên.

- Cơ cấu kinh tế từng bước chuyển dịch theo hướng tăng dần tỷ trọng các ngành phi nông nghiệp và giảm dần các ngành nông nghiệp.

- Thu nhập thực tế bình quân đầu người đến năm 2030 đạt trên 360 triệu đồng/người/năm.

2. Về dân số, lao động

- Theo tính toán đến năm 2030, dân số chính thức cả huyện khoảng 185.000 người trong đó bao gồm dân số chính thức của huyện là khoảng 169.000 người phù hợp với định hướng quy hoạch tỉnh; phần dân số không chính thức, khách vắng lai khoảng 16.000 người.

- Dự kiến đến năm 2030, tổng số lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc của huyện đạt khoảng 103.400 người; đến năm 2050 khoảng 120.900 người với tỷ lệ qua đào tạo đạt 85% năm 2030 và đạt 90% năm 2050.

3. Về tỷ lệ đô thị hóa

- Giai đoạn 2023-2025, tỷ lệ đô thị hóa là khoảng 5%.

- Giai đoạn 2026-2030, tỷ lệ đô thị hóa là khoảng 39%.

- Tầm nhìn đến năm 2050, tỷ lệ đô thị hóa 57%.

4. Về nhu cầu sử dụng đất

Dự báo nhu cầu đất cho các khu vực chính của vùng huyện Xuân Trường đến năm 2030:

- Đất dành cho khu vực phát triển xây dựng (đô thị, dân cư nông, sản xuất công nghiệp, thương mại - dịch vụ, an ninh, quốc phòng, di tích tôn giáo, hạ tầng kỹ thuật và các chức năng khác) khoảng 5.100 ha.

- Đất dành cho khu vực nông nghiệp và các chức năng khác (nông nghiệp, thủy sản, mặt nước) khoảng 7.000 ha.

5. Về bảo vệ môi trường

Phấn đấu đến năm 2030, huyện đạt các chỉ tiêu theo mục tiêu bảo vệ môi trường theo định hướng Quy hoạch tỉnh Nam Định, với tỷ lệ:

- Chất thải rắn sinh hoạt đô thị được thu gom, xử lý theo quy định đạt 100%.

- Chất thải rắn sinh hoạt nông thôn được thu gom, xử lý theo quy định đạt 100%.

- Chất thải nguy hại được thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định đạt 98%.

- Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt đô thị được xử lý bằng công nghệ chôn lấp trực tiếp trên tổng lượng chất thải được thu gom đạt 10%.

- Nước thải đô thị được xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn theo quy định đạt 55%.

6. Các rủi ro về biến động, thảm họa thiên nhiên

- Huyện Xuân Trường thuộc vùng có nguy cơ bị ảnh hưởng của bão và áp thấp nhiệt đới và vùng nguy cơ ảnh hưởng lũ, lụt và sạt lở đất.

- Ngoài ra, còn một số loại hình thiên tai khác như lốc xoáy, xâm nhập mặn.

VII. TỔ CHỨC PHÂN VÙNG VÀ YÊU CẦU QUẢN LÝ, PHÁT TRIỂN THEO CÁC PHÂN VÙNG

1. Khung cấu trúc phát triển không gian vùng

Trên cơ sở điều kiện tự nhiên, hiện trạng, tổ chức tổng thể không gian vùng huyện đến năm 2030, tầm nhìn 2050 theo cấu trúc gồm: 01 hành lang; 02 vùng phát triển; 04 trục kinh tế; 04 đô thị; 06 khu vực động lực phát triển.

- 01 hành lang: Hành lang sinh thái ven sông (sông Ninh Cơ - sông Hồng trên 30 km): là trục chính giao thông đường thủy, kết nối các đô thị sinh thái tạo động lực phát triển kinh tế ven sông.

- 02 vùng phát triển, gồm: Vùng phát triển phía Nam - vùng trung tâm (vùng 1); vùng phát triển phía Bắc (vùng 2).

- 04 trục kinh tế:

- + Trục kinh tế Bắc - Nam: Là trục phát triển kinh tế tổng hợp, đa ngành, đa lĩnh vực về công nghiệp, đô thị, thương mại dịch vụ và là trục động lực phát triển kinh tế quan trọng của huyện dọc theo TL.489C - TL.484.

+ Trục đô thị công nghiệp phía Bắc: Là trục phát triển kết nối các khu công nghiệp Xuân Hồng, Thượng Thành với đô thị Hồng Ngọc và là động lực phát triển kinh tế phía Bắc của huyện gắn với TL.488.

+ Trục đô thị trung tâm: Là trục hành chính, dịch vụ, thương mại gắn với TL.489, kết nối đô thị huyện lỵ - thị trấn Xuân Trường với trục kinh tế Bắc Nam và các cụm công nghiệp Nam Điền, Xuân Vinh, vùng nông nghiệp phía Đông.

+ Trục công nghiệp - dịch vụ - thương mại phía Nam: Kết nối khu công nghiệp Xuân Kiên, cụm công nghiệp Xuân Tiến, các khu sản xuất kinh doanh và trung tâm thương mại dịch vụ cấp vùng tại khu vực nút giao TL489C - TL484 và là đầu mối giao thương kết nối với thành phố Nam Định, thị trấn Quất Lâm và vùng ven biển các huyện Hải Hậu, Giao Thủy gắn với QL.21, TL.484, tuyến đường Lạc Quần - Ngô Đồng.

- 04 đô thị: Đến năm 2030 có đô thị Xuân Trường (mở rộng) - loại IV, đô thị Hồng Ngọc - loại V. Tầm nhìn đến năm 2050 hình thành thêm đô thị Trà Lũ - loại V, đô thị Xuân Phúc - loại V.

- 06 khu vực động lực phát triển của huyện gồm: Khu vực đô thị huyện lỵ Xuân Trường (Xuân Trường - Xuân Ninh); khu công nghiệp Thượng Thành; khu công nghiệp Xuân Hồng; khu, cụm công nghiệp Xuân Kiên, Xuân Tiến; đô thị và dịch vụ du lịch Hồng Ngọc; Đô thị và dịch vụ thương mại Xuân Phúc.

2. Yêu cầu quản lý, phát triển theo các phân vùng

* Vùng 1: Vùng phát triển kinh tế phía Nam - vùng trung tâm

- Là vùng tập trung trung tâm hành chính, chính trị, phát triển đô thị, thương mại dịch vụ, công nghiệp, nông nghiệp với trung tâm là đô thị Xuân Trường (mở rộng).

- Quy mô diện tích tự nhiên khoảng: 4.928 ha. Bao gồm: Đô thị Xuân Trường (mở rộng thêm xã Xuân Ninh), xã Xuân Phúc (sáp nhập 03 xã Xuân Kiên, Xuân Tiến, Xuân Hòa), xã Xuân Vinh, xã Trà Lũ (sáp nhập 03 xã Xuân Bắc, xã Xuân Phương, xã Xuân Trung), xã Thọ Nghiệp, xã Xuân Phú.

- Định hướng tổ chức không gian:

+ Khu vực phát triển đô thị: Tập trung dân cư và hạ tầng đô thị, hướng đến trở thành vùng đô thị tập trung là trung tâm của huyện, trên cơ sở mở rộng đô thị Xuân Trường (sáp nhập xã Xuân Ninh); tập trung đầu tư xây dựng, nâng cấp các khu vực, hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, hạ tầng kinh tế trên địa bàn.

+ Tiếp tục đẩy nhanh tốc độ đô thị hóa của các xã hình thành các đô thị Xuân Phúc, đô thị Trà Lũ.

+ Hình thành các trung tâm thương mại dịch vụ tại các trục đường chính và nút giao, cửa ngõ trọng điểm của huyện.

+ Tập trung phát triển các khu, cụm công nghiệp với các ngành nghề thu hút đầu tư có công nghệ sản xuất tiên tiến, thân thiện môi trường như điện, điện tử, nông sản, thực phẩm,... và các khu nhà ở xã hội, dịch vụ tiện ích công cộng phục người lao động trong khu công nghiệp.

+ Phát triển kinh tế nông nghiệp với các vùng sản xuất lúa đặc sản và vùng sản xuất lúa giống kết hợp với việc bảo tồn cảnh quan, cải tạo các khu dân cư hiện hữu, phát triển du lịch trải nghiệm nông nghiệp, du lịch cộng đồng.

+ Xây dựng đồng bộ hệ thống tầng kỹ thuật đảm bảo kết nối vùng phát triển phía Bắc của huyện và các vùng huyện xung quanh.

* Vùng 2: Vùng phát triển kinh tế phía Bắc

- Là vùng phát triển công nghiệp, du lịch, dịch vụ, logistics, cảng sông với trung tâm là đô thị Hồng Ngọc, khu công nghiệp Thượng Thành.

- Quy mô diện tích tự nhiên khoảng 6.681 ha. Bao gồm: Đô thị Hồng Ngọc (sáp nhập xã Xuân Hồng, Xuân Ngọc), xã Xuân Châu, xã Xuân Thượng, xã Xuân Thành, xã Xuân Giang (sáp nhập các xã Xuân Thủy, Xuân Phong, Xuân Đài), xã Xuân Tân.

- Định hướng tổ chức không gian:

+ Tập trung xây dựng đô thị Hồng Ngọc trở thành đô thị hạt nhân của vùng phát triển kinh tế phía Bắc, phát triển đồng bộ về hệ thống hạ tầng xã hội hạ tầng kỹ thuật.

+ Đầu tư xây dựng Khu công nghiệp Thượng Thành với các ngành nghề thu hút đầu tư có công nghệ sản xuất tiên tiến, thân thiện môi trường và các khu nhà ở xã hội, dịch vụ tiện ích công cộng phục người lao động trong khu công nghiệp.

+ Xây dựng khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn giúp quảng bá các sản phẩm từ nông nghiệp.

+ Định hướng phát triển các loại hình du lịch gắn với di sản, di tích lịch sử văn hoá khu vực

+ Đầu tư xây dựng cảng tổng hợp Sa Cao phục vụ cho việc vận tải hành khách và hàng hóa, phát triển giao thông đường thủy.

VIII. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN KHÔNG GIAN

1. Vị trí, quy mô, phương hướng tổ chức

1.1. Định hướng phát triển hệ thống đô thị

- Giai đoạn 2023 - 2025: Huyện Xuân Trường có 01 đô thị loại V là thị trấn Xuân Trường; tỷ lệ đô thị hóa là khoảng 5%.

- Giai đoạn 2026 - 2030: huyện Xuân Trường có 02 đô thị: 01 đô thị loại IV là đô thị Xuân Trường (mở rộng) và 01 đô thị loại V là đô thị Hồng Ngọc mới thành lập; tỷ lệ đô thị hóa là khoảng 39%.

- Tầm nhìn đến năm 2050: Nâng cấp đơn vị hành chính xã Trà Lũ lên đô thị Trà Lũ; xã Xuân Phúc lên đô thị Xuân Phúc. Huyện Xuân Trường có 04 đô thị,

bao gồm: 01 đô thị loại IV là đô thị Xuân Trường, 03 đô thị loại V là đô thị Hồng Ngọc, đô thị Trà Lũ và đô thị Xuân Phúc. Tỷ lệ đô thị hóa khoảng 57%.

1.2. Định hướng phát triển dân cư nông thôn

- Tiếp tục xây dựng có chiều sâu các điểm dân cư nông thôn nhằm nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người dân. Phát triển mới các khu dân cư tập trung tại các xã theo quy hoạch xây dựng được phê duyệt. Tập trung các nguồn lực để xây dựng nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu, trên cơ sở bảo tồn các giá trị truyền thống của địa phương. Phấn đấu đến năm 2030 huyện đạt chuẩn “huyện nông thôn mới nâng cao”.

- Định hướng phát triển khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn trên trục đường TL.489C tại xã Xuân Thủy (xã Xuân Giang mới).

1.3. Quy hoạch các khu chức năng

- Định hướng phát triển các khu chức năng thuộc trục kinh tế Bắc - Nam, dọc hai bên tuyến ĐT.489C - ĐT.484 là trục phát triển kinh tế tổng hợp, đa ngành, đa lĩnh vực về công nghiệp, đô thị, thương mại dịch vụ và là trục động lực phát triển kinh tế quan trọng của huyện, gồm 3 không gian phát triển:

+ Không gian phát triển phía Bắc là các khu chức năng về công nghiệp - dịch vụ, là trung tâm công nghiệp phía Bắc của huyện với hạt nhân là khu công nghiệp Thượng Thành (395 ha) gắn kết với nút giao đường cao tốc Ninh Bình - Hải Phòng - Quảng Ninh, ĐT.489C và cầu Sa Cao kết nối với tỉnh Thái Bình, ĐT.488 kết nối không gian đô thị - công nghiệp Xuân Hồng (giai đoạn sau 2030).

+ Không gian phát triển trung tâm là không gian cửa ngõ của huyện Xuân Trường gắn với nút giao đường cao tốc Ninh Bình - Hải Phòng - Quảng Ninh. Là không gian đô thị hóa và phát triển mở rộng của thị trấn Xuân Trường, có các khu chức năng về đô thị, thương mại, dịch vụ, văn hóa, thể dục thể thao, phát triển các khu dân cư đô thị mới theo hướng sinh thái gắn với không gian cây xanh mặt nước, vui chơi giải trí. Khuyến khích phát triển các không gian công cộng, không gian mở, hỗn hợp, thương mại, dịch vụ (phố ẩm thực, phố đi bộ...), là điểm nhấn về không gian cao tầng của huyện Xuân Trường.

+ Không gian phát triển phía Nam là không gian cửa ngõ phía Nam của thị trấn Xuân Trường, có các khu chức năng về công nghiệp, thương mại dịch vụ, sản xuất kinh doanh, khuyến khích phát triển một trung tâm thương mại dịch vụ đầu mối của huyện, phát triển các khu vực sản xuất kinh doanh, tạo thành hệ sinh thái công nghiệp phụ trợ của huyện và vùng lân cận.

- Khu công nghiệp:

+ Giai đoạn 2021 - 2030: Quy hoạch bổ sung mới khu công nghiệp Thượng Thành quy mô khoảng 395 ha (giai đoạn 1 là 100 ha), Quy hoạch khu công nghiệp Xuân Kiên quy mô khoảng 199 ha (giai đoạn 1 là 100 ha) với các ngành nghề thu hút đầu tư có công nghệ sản xuất tiên tiến, thân thiện môi trường. Định hướng quy hoạch khu nhà ở xã hội và các công trình dịch vụ, tiện ích công cộng cho người lao động làm việc trong khu công nghiệp.

+ Giai đoạn sau 2030: Mở rộng không gian phát triển công nghiệp, tập trung lấp đầy diện tích các khu công nghiệp đã thành lập, nghiên cứu mở rộng diện tích giai đoạn 2 của các khu công nghiệp đã đề xuất, bổ sung mới một số khu công nghiệp có tiềm năng nhằm thu hút đầu tư trong giai đoạn mới.

1.4. Quy hoạch khu vực an ninh quốc phòng

Tiếp tục đầu tư xây dựng các công trình huấn luyện, công trình chiến đấu tại khu vực phòng thủ, doanh trại, công trình hậu cần, trụ sở làm việc của lực lượng công an, quân sự để đảm bảo yêu cầu an ninh - quốc phòng trên địa bàn huyện.

1.5. Quy hoạch khu vực phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp

- Quy hoạch 23 vùng cánh đồng lớn chuyên trồng lúa chất lượng cao (khoảng 1.446 ha), quy hoạch các vùng sản xuất lúa đặc sản (khoảng 410 ha), quy hoạch 2 vùng sản xuất lúa giống (khoảng 150 ha).

- Quy hoạch vùng sản xuất rau an toàn tập trung (xã Xuân Hồng, Xuân Châu khoảng 210 ha), vùng sản xuất cây vụ đông hàng hoá trên đất hai lúa (khoảng 500 ha), vùng sản xuất cây công nghệ cao (các xã Xuân Hồng, Xuân Châu, Xuân Vinh), vùng trồng cây dược liệu tập trung (xã Xuân Vinh).

- Chăn nuôi: Quy hoạch vùng trang trại tập trung với tổng diện tích 24 ha.

- Thủy sản: Quy hoạch khoảng 181 ha chuyên nuôi trồng thủy sản, trong đó có 8 vùng nuôi trồng thủy sản tập trung với diện tích mỗi vùng trên 10 ha.

1.6. Quy hoạch các khu di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh

- Bảo tồn và hạn chế xây dựng tại các điểm di tích lịch sử văn hoá của huyện; Bảo tồn giá trị khu vực làng cổ Hành Thiện.

- Các công trình đã được kiểm kê, xếp hạng trong Danh mục kiểm kê được quản lý theo quy định tại Luật Di sản văn hóa 2001, Nghị định 98/2010/NĐ-CP ngày 21/9/2010 của Chính phủ và các quy định hiện hành liên quan.

- Phạm vi ranh giới khu vực bảo tồn sẽ được cụ thể hoá trong các đồ án quy hoạch chung, quy hoạch phân khu và quy hoạch chi tiết đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật về bảo tồn di tích.

1.7. Cơ sở kinh tế - kỹ thuật khác:

- Cụm công nghiệp:

+ Giữ nguyên hiện trạng, không định hướng mở rộng các cụm công nghiệp đã thành lập.

+ Giai đoạn 2021-2030: Quy hoạch các cụm công nghiệp Nam Điền khoảng 55 ha, Xuân Tiến 2 khoảng 75 ha, Xuân Vinh khoảng 55 ha.

- Định hướng phát triển tiêu thủ công nghiệp:

+ Bảo tồn và khôi phục, phát triển các nghề, làng nghề truyền thống gắn với các khu vực sản xuất kinh doanh, giới thiệu sản phẩm (OCOP), là hạt nhân của các Trung tâm đổi mới sáng tạo khu vực nông thôn.

+ Khuyến khích đăng ký các thương hiệu sản phẩm OCOP cho làng nghề và sản phẩm thương hiệu Xuân Trường (các làng nghề: Hoa cây cảnh Xuân Dục, chế biến thực phẩm, cơ khí Xuân Tiến, chiếu Xuân Dục, thủ công mỹ nghệ Xuân Phương).

2. Tổ chức phân bố hệ thống trung tâm

2.1. Hành chính

- Trung tâm hành chính chính trị huyện Xuân Trường: Cải tạo nâng cấp trên cơ sở hiện trạng, bố trí các chức năng khác phục vụ việc tổ chức lại trung tâm hành chính và công trình công cộng.

- Trụ sở làm việc cơ quan hành chính các xã: Cơ bản được cải tạo chỉnh trang tại chỗ, đáp ứng điều kiện, môi trường làm việc.

2.2. Thương mại - dịch vụ, du lịch

- Giai đoạn 2021-2030 phát triển ít nhất 01 trung tâm thương mại dịch vụ tập trung cấp vùng và các trung tâm thương mại dịch vụ dọc theo trục ĐT.489C. Phát triển thêm từ 2-5 siêu thị phục vụ nhu cầu mua sắm của người dân trên địa bàn huyện. Tiếp tục đầu tư cải tạo hệ thống các chợ trên địa bàn huyện (2 chợ hạng II, 14 chợ hạng III), cải tạo chỉnh trang mạng lưới chợ tại các xã, khu dân cư, khu vực gần các khu cụm công nghiệp. Phát triển hệ thống siêu thị nhỏ, cửa hàng tiện ích, hệ thống bán lẻ ở tất cả các xã, thị trấn trên địa bàn.

- Khai thác lợi thế một số khu vực phát triển các khu du lịch sinh thái quy mô nhỏ, điểm dịch vụ du lịch và phát triển du lịch cộng đồng, trải nghiệm giá trị văn hóa, nghệ thuật và cảnh quan làng quê truyền thống đồng bằng Bắc Bộ. Khuyến khích phát triển liên kết với các tour tuyến du lịch nội vùng (Đền Trần (thành phố Nam Định) - Chùa Cổ Lễ (Trực Ninh) - Khu lưu niệm cố Tổng Bí thư Trường Chinh - Chùa Keo - Thánh đường Phú Nhai; Xây dựng tuyến du lịch tham quan làng nghề: Vị Khê (Nam Trực) - Thêu tranh Phú Nhai - Tơ tằm Hồng Thiện - Cơ khí, đúc đồng Xuân Tiến, cơ khí đóng tàu Xuân Trường).

- Phát triển dịch vụ vận tải trên các lĩnh vực đường bộ, đường sông, đảm bảo tiện lợi, thông suốt.

2.3. Văn hóa, thể dục thể thao

- Đẩy mạnh xã hội hóa, huy động mọi nguồn lực đầu tư xây dựng các thiết chế văn hoá - thể thao, nhất là sân chơi thể thao ở các thôn, xóm, tổ dân phố đi đôi với tăng cường công tác quản lý nhà nước về văn hóa, thông tin, thể thao. Duy trì nâng cấp các công trình văn hoá hiện hữu, xây dựng các công trình văn hoá hiện đại, đa chức năng kết hợp với các khu chức năng thể dục thể thao,... góp phần xây dựng lối sống xanh tại đô thị và nông thôn.

- Tầm nhìn đến năm 2050, quy hoạch công viên văn hóa tại đô thị Hồng Ngọc với quy mô khoảng 35 ha (diện tích mặt nước chiếm khoảng 70%).

2.4. Nghiên cứu, đào tạo

- Cơ bản giữ ổn định quy mô 4 trường THPT công lập trên địa bàn huyện (gồm: Xuân Trường A, Xuân Trường B, Xuân Trường C, Nguyễn Trường Thúc); quy hoạch 01 trường liên cấp quy mô trên 4 ha tại xã Xuân Ninh (đô thị Xuân Trường mở rộng), xây mới bổ sung 2÷3 trường THPT đảm bảo phục vụ theo quy mô dân số huyện đến năm 2030.

Trên địa bàn các xã có ít nhất từ 1÷2 trường tiểu học và THCS đảm bảo cơ sở vật chất tốt cho giảng dạy và học tập. Tiếp tục đầu tư cải tạo chỉnh trang, nâng cấp cơ sở vật chất của hệ thống giáo dục đào tạo trên địa bàn huyện, đạt tiêu chí trường chuẩn quốc gia.

Khuyến khích thành lập các trường Tiểu học, THCS, THPT hoặc liên cấp THCS-THPT, liên cấp Tiểu học-THCS-THPT ngoài công lập trên địa bàn huyện huy động các nguồn lực đầu tư cho giáo dục và đào tạo (trên cơ sở đảm bảo các quy định của pháp luật hiện hành).

2.5. Y tế

Tiếp tục củng cố, kiện toàn mạng lưới y tế ở cơ sở gắn với nâng cao hiệu quả công tác y tế dự phòng. Nâng cấp Trung tâm y tế huyện để đáp ứng yêu cầu khám chữa bệnh, đảm bảo tiêu chuẩn phục vụ theo nhu cầu phát triển dân số. Mỗi xã bố trí 01 trạm y tế có khoảng 20 giường trở lên kèm theo các chức năng khác phục vụ cho chăm sóc sức khỏe cộng đồng. Khuyến khích phát triển cơ sở khám chữa bệnh tư nhân và bác sỹ gia đình.

Đến năm 2030 quy hoạch ít nhất 03 bệnh viện đầu tư bằng nguồn vốn ngoài ngân sách có quy mô trên 100 giường bệnh, trong đó có 01 bệnh viện đa khoa tại khu vực xã Xuân Tiến, Xuân Hòa (xã Xuân Phúc mới) và 02 bệnh viện tại Xuân Ninh (đô thị Xuân Trường mở rộng).

2.6. Trung tâm cụm xã, trung tâm xã

Xây dựng nông thôn mới phù hợp với lộ trình, giai đoạn nâng cấp lên đô thị, tiến tới quá trình đô thị hóa. Xây dựng đồng bộ hệ thống cơ sở hạ tầng kỹ thuật để đảm bảo phục vụ kết nối.

Hình thành các trung tâm dịch vụ hỗ trợ sản xuất cấp huyện gắn với các thị trấn, trung tâm cụm xã, các khu - cụm công nghiệp gắn kết thuận lợi với hệ thống hạ tầng khung, đảm bảo phục vụ cho phát triển nông nghiệp, công nghiệp, thương mại dịch vụ trong vùng.

3. Xác định các quy hoạch xây dựng cần lập theo các giai đoạn phát triển

- Các quy hoạch chung đô thị: Thị trấn Xuân Trường (mở rộng); đô thị Hồng Ngọc; đô thị Trà Lũ; đô thị Xuân Phúc.

- Quy hoạch chung/quy hoạch phân khu các khu chức năng: Khu công nghiệp Xuân Kiên, khu công nghiệp Thượng Thành.

- Trên cơ sở phương án sắp xếp đơn vị hành chính của tỉnh giai đoạn 2023-2025, tổ chức lập quy hoạch chung xây dựng các xã hình thành mới trên địa bàn huyện, điều chỉnh quy hoạch chung các xã có liên quan.

IX. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT VÙNG

1. Định hướng chuẩn bị kỹ thuật

1.1. Định hướng công trình thủy lợi, phòng chống ngập úng, lũ

- Cải tạo, nâng cấp, xây mới hệ thống kênh tiêu nước mặt, các trạm bơm tiêu đảm bảo nâng cao hiệu quả tiêu thoát nước mặt (cải tạo, nâng cấp hệ thống thủy nông Xuân Thủy, xây mới trạm bơm tưới Hạ Miêu 1, xây dựng hệ thống cống như Cống Bồi số 3, cống Bồi số 4, Cống Kẹo, An Phú...). Xây dựng hệ thống hồ điều tiết nước mặt, giảm thiểu ngập úng, cải tạo vi khí hậu.

- Các hệ thống thủy lợi tiếp tục được nâng cấp, sửa chữa, mở rộng năng lực để đảm bảo nước tưới cho các khu vực sản xuất nông nghiệp hiện hữu. Đầu tư xây dựng mới hệ thống thủy lợi cho các vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, đồng thời ứng dụng các công nghệ tự động hóa trong khai thác, quản lý vận hành.

- Điều tiết nước phục vụ sản xuất nông nghiệp chủ yếu bằng trọng lực lấy nước từ 02 sông lớn (sông Hồng và sông Ninh Cơ), tiêu ra biển qua hệ thống tiêu sông Sò.

- Tiếp tục duy tu bảo dưỡng và nâng cấp các công trình hiện có, kiên cố và bê tông hóa công trình đầu mối, mở rộng kênh dẫn nước nội đồng nhằm chủ động cung cấp nước tưới, đảm bảo khả năng sử dụng trên 80% công suất thiết kế.

1.2. Định hướng quy hoạch cao độ nền

- Khu vực đô thị, công nghiệp: Cao độ nền các đô thị được xác định trên cơ sở mực nước lớn nhất theo tần suất của các tuyến sông chính, cấp đô thị và mực nước của các cống xả qua đê tại các vùng được bảo vệ bởi đê. Các khu vực dân cư, công trình hiện có và dự án đã xây dựng thì giữ nguyên cao độ, chỉ cải tạo hệ thống thoát nước.

- Khu vực nông thôn:

+ Cải tạo tôn nền các khu dân cư hiện có, các khu vực dân cư, công trình xây dựng mới thiết kế đảm bảo cao độ thấp nhất lớn hơn cao độ ngập lụt của các tuyến sông suối lân cận. Đối với các khu ruộng, canh tác trũng thấp duy trì và sử dụng làm vùng chậm lũ cho hệ thống sông chính và các sông nội đồng.

+ Khu vực dân cư, công trình nằm trong vùng ngập lụt và hành lang thoát lũ: Với các khu dân cư, công trình hiện có cải tạo nền tối thiểu cao hơn $0,3 \div 0,5m$ so với mực nước lũ cấp III của các tuyến sông hoặc mực nước cao nhất của các sông nhánh, suối theo tần suất mưa $P=5\%$. Với các khu vực nằm trong hành lang thoát lũ thì phải đảm bảo duy trì cao độ nền hiện trạng, đảm bảo các quy định về phòng chống lũ của Luật Đê điều và các Nghị định, thông tư liên quan.

- Khu vực thị trấn Xuân Trường: Đối với khu vực dân cư hiện có giữ nguyên nền hiện trạng. Cao độ nền xây dựng đối với các khu vực quy hoạch mới được xác

định đảm bảo cao độ khống chế phù hợp với điều kiện hiện trạng, đảm bảo độ dốc tự nhiên trung bình là 0,02%.

1.3. Định hướng quy hoạch thoát nước mặt

- Nước mặt được thu gom và thoát về các trục tiêu hở gần nhất, sau đó dẫn thoát trực tiếp ra các sông bằng các cống điều tiết qua đê, hoặc tiêu cưỡng bức bằng các trạm bơm tiêu dọc sông.

- Huyện Xuân Trường được phân làm 4 lưu vực thoát nước chính với hướng tiêu thoát chính qua sông Sò.

2. Định hướng giao thông

2.1. Giao thông đường bộ

- Cao tốc Ninh Bình - Hải Phòng (CT.08): Xây dựng tuyến đường cao tốc với quy mô 04 làn xe. Đoạn giao với ĐT.489C bố trí nút giao tại vị trí xã Xuân Phong và xã Xuân Thủy. Đề xuất làm đường gom 2 bên đường cao tốc qua địa phận huyện theo Quy hoạch tỉnh.

- QL.21 chạy dọc phía Nam hướng đi huyện Hải Hậu nâng cấp mở rộng đạt tối thiểu đường cấp III đồng bằng trở lên. Đến năm 2050 đạt đường cấp II đồng bằng. Vị trí các điểm đầu nối QL.21 tuân thủ Quyết định số 2420/QĐ-UBND ngày 23/12/2022 của UBND tỉnh Nam Định.

- Đường tỉnh:

+ ĐT.484 (Tuyến Nam Định - Lạc Quần - Đường ven biển): Quy hoạch đạt tiêu chuẩn đường cấp I đồng bằng.

+ ĐT.488: Nâng cấp đạt quy mô đường cấp III đồng bằng, đoạn qua thị trấn quy hoạch theo đường đô thị;

+ ĐT.489: Đoạn từ phà Sa Cao đến cống Trung Linh quy mở rộng đạt tiêu chuẩn cấp III đồng bằng. Đoạn từ cống Trung Linh đến đóc Xuân Bảng là đường đô thị có mặt cắt là 19m. Đoạn từ đóc Xuân Bảng đến cống Đầm Sen là đường đô thị có mặt cắt là 32m. Đoạn từ cống Đầm Sen đến cầu Nam Điền B quy hoạch mở rộng đạt tiêu chuẩn cấp III đồng bằng.

+ ĐT.489C: Quy hoạch toàn tuyến đoạn qua huyện Xuân Trường từ chân cầu Lạc Quần đến cầu Sa Cao (mới) thành QL.39B. Nâng cấp đạt quy mô đường cấp II đồng bằng, đoạn qua thị trấn Xuân Trường là đường đô thị có mặt cắt 22,5m.

+ Tuyến nhánh Trục Tuấn - Yên Định: Đoạn đi qua địa phận huyện Xuân Trường ở phía Nam (khu vực xã Xuân Ninh) dài khoảng 1 km, quy hoạch đạt tiêu chuẩn đường cấp I đồng bằng.

+ Tuyến nhánh Lạc Quần - Ngô Đồng: Đoạn đi qua địa phận huyện Xuân Trường dài khoảng 3,3 km. Quy hoạch đạt tiêu chuẩn đường cấp II đồng bằng quy mô tối thiểu 4 làn xe.

+ Giai đoạn 2031-2050 định hướng xây dựng các đường vành đai xanh bao quanh các khu đô thị nhằm mục đích phân vùng khu vực phát triển và khu vực bảo tồn tự nhiên, phòng hộ đô thị trước biến đổi khí hậu, giảm thiểu ô nhiễm xâm lấn. Quy mô tối thiểu đạt cấp IV-III hoàn chỉnh.

- Đường huyện: Nâng cấp, cải tạo kết hợp quy hoạch mới các tuyến đường huyện đạt tiêu chuẩn cấp III, IV, V đồng bằng (đoạn qua thị trấn quy hoạch theo đường đô thị).

- Giao thông nông thôn: Nâng cấp đường liên xã, trục xã đạt tối thiểu cấp VI đồng bằng. Đầu tư xây dựng kiên cố hóa đường thôn xóm đạt 100% so với tiêu chuẩn nông thôn mới. Tiếp tục đầu tư xây dựng, cứng hoá hệ thống đường trục chính nội đồng đáp ứng nhu cầu cơ giới hoá, công nghiệp hoá nông nghiệp.

- Xây dựng các cầu trên sông: 2 cầu vượt sông Ninh Cơ và vượt sông Hồng trên tuyến cao tốc Nam Định - Thái Bình - Quảng Ninh, cầu Lạc Quần 2 song song với cầu cũ, nằm về phía hạ lưu, cầu Sa Cao - Thái Hạc kết nối từ ĐT. 489C qua sông Hồng đi Thái Bình; cầu vượt trên TL.489C đoạn nút giao với cao tốc Nam Định - Thái Bình - Quảng Ninh,...

2.2. Giao thông đường thủy

- Xây dựng bến - cảng:

+ Cảng hàng hoá tổng hợp: Cảng Sa Cao trên sông Hồng tại xã Xuân Châu với quy mô 300.000 tấn/năm, diện tích dự kiến 46 ha. Cảng Thọ nghiệp tại xã Thọ Nghiệp dự kiến tại khu vực ngã ba sông Sò và sông Mã với quy mô 300.000 tấn/năm.

+ Cải tạo nâng cấp bến Lạc Quần (sông Ninh Cơ) đến 2030 đạt công suất 100.000 ÷ 200.000 tấn/năm.

2.3. Bến xe - Bãi đỗ xe

Cải tạo, nâng cấp bến xe khách huyện Xuân Trường (tại thị trấn Xuân Trường) đạt bến xe loại III trở lên.

3. Định hướng hệ thống điện

- Xây dựng mới: TBA 110kV Xuân Trường với công suất 40MVA (đến năm 2025), sau 2025 nâng cấp tổ máy 2 với công suất 2x40MVA; TBA 110kV Xuân Bắc (1x40MVA); TBA 110kV (2x63MVA) KCN Xuân Kiên; TBA 110kV (2x63MVA) KCN Thượng Thành; Nâng công suất TBA 110kV Lạc Quần lên (63+40MVA) vào giai đoạn năm 2021-2025.

- Củng cố, nâng cấp và xây dựng mới hệ thống lưới điện để đáp ứng nhu cầu phát triển chung của huyện.

- Việc xác định vị trí đặt trạm biến áp và lưới điện 110kV, trung thế, hạ thế sẽ được cụ thể khi triển khai dự án công trình và được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản.

4. Định hướng hệ thống cấp nước

- Nguồn nước mặt của huyện Xuân Trường rất dồi dào, trong đó lưu vực sông Hồng có tiềm năng nguồn nước lớn nhất; sau đó là sông Ninh Cơ, sông Sò.

- Trên địa bàn huyện hiện có 10 nhà máy nước, giai đoạn đầu tiếp tục sử dụng các nhà máy nước sạch hiện trạng. Tiếp tục xây mới hoặc nâng cấp, cải tạo hệ thống cấp nước hiện hữu để nâng cao chất lượng và năng lực cấp nước. Mạng lưới cấp nước trong huyện được kết nối với nhau để hỗ trợ cấp nước cho nhau khi hệ thống gặp sự cố. Đầu tư đồng bộ các nhà máy nước với hệ thống đường ống cấp nước để sau khi xây dựng phát huy được hiệu quả cấp nước. Giai đoạn dài hạn toàn huyện sẽ được cấp nước theo hình thức tập trung các nguồn tập trung cấp cho huyện sẽ được đầu nối với nhau bằng hệ thống ống truyền tải và phân phối để đảm bảo tính an toàn và liên tục trong cấp nước.

- Quy hoạch mới 02 nhà máy nước: Khu công nghiệp Xuân Kiên, Khu công nghiệp Thượng Thành.

- Tổ chức mạng lưới cấp nước với 03 cấp: Truyền tải - phân phối - dịch vụ.

5. Định hướng thoát nước và xử lý nước thải

- Đối với khu vực đô thị dân cư hiện có, tận dụng hệ thống công chung, xây dựng hệ thống nửa riêng, thu gom nước thải sẽ là công chung kết hợp cống bao. Đối với khu vực quy hoạch đô thị mới phát triển hệ thống công riêng.

- Nước thải công nghiệp tại các khu công nghiệp, các cụm công nghiệp: Sẽ được xây dựng trạm xử lý nước thải riêng cho từng khu và cụm, bắt buộc phải xử lý đạt tiêu chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT trước khi thải ra ngoài môi trường.

- Với các trạm y tế hoặc các cơ sở y tế nhỏ cần có giải pháp xử lý làm sạch nước thải, đảm bảo điều kiện và quy định, được sự cho phép của các cơ quan có thẩm quyền mới được xả ra nguồn tiếp nhận.

6. Định hướng quản lý chất thải, nghĩa trang

6.1. Định hướng xử lý chất thải rắn

- Giai đoạn 2021-2030, tiếp tục khai thác 02 khu xử lý chất thải tập trung liên huyện tại thị trấn Xuân Trường và xã Xuân Ninh, trong đó: Khu xử lý chất thải rắn huyện Xuân Trường tại xã Xuân Ninh với quy mô 5 ha; Khu xử lý chất thải rắn tại thị trấn Xuân Trường quy mô 1,0 ha.

- Thực hiện phân loại chất thải tại nguồn và tại khu phân loại tập trung, chia thành các loại: Nguy hại, không nguy hại, có thể tái chế và không thể tái chế. Bố trí trạm trung chuyển chất thải rắn không cố định cỡ vừa cho mỗi đô thị và các trung tâm xã.

6.2. Định hướng quản lý nghĩa trang

- Quy hoạch mở rộng nghĩa trang giáp đường Trung Linh - Phú Nhai về phía Đông nghĩa trang. Tổng diện tích sau mở rộng khoảng 3,62 ha; quy hoạch mở rộng nghĩa trang phía Bắc tổ 15 về phía Tây nghĩa trang. Tổng diện tích sau mở rộng khoảng 4,2 ha.

- Đề xuất quy hoạch nhà tang lễ của huyện tại thị trấn Xuân Trường với diện tích khoảng 5000 m². Vị trí cụ thể sẽ được nghiên cứu trong đồ án quy hoạch của thị trấn hoặc dự án riêng được các cấp có thẩm quyền phê duyệt và phải đảm bảo các tiêu chí theo quy định.

7. Định hướng hạ tầng viễn thông thụ động

Phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông hiện đại, đồng bộ, đảm bảo tính kết nối, chia sẻ giữa các tổ chức, cá nhân trên cơ sở bảo đảm an toàn, an ninh, đảm bảo chiến lược phát triển số.

- Đến năm 2025, triển khai hạ tầng ngầm hóa ở các tuyến đường mới, khu đô thị, khu công nghiệp,... quy hoạch mới hoặc triển khai ngầm hóa tại các tuyến đường, khu vực nâng cấp cải tạo hạ tầng có liên quan đến hạ tầng ngầm. Phát triển cáp quang băng rộng đến 100% thôn/khu/xóm/bản trên địa bàn huyện.

- Đến năm 2030, tiếp tục triển khai hạ tầng ngầm hóa ở các tuyến đường mới, khu đô thị, khu công nghiệp,... quy hoạch mới hoặc triển khai ngầm hóa tại các tuyến đường, khu vực nâng cấp cải tạo hạ tầng có liên quan đến hạ tầng ngầm.

- Đến năm 2050, phát triển toàn bộ hệ thống ăng ten trạm thu phát sóng theo công nghệ đa tần.

X. DANH MỤC CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ

Ưu tiên các dự án trong Quy hoạch tỉnh Nam Định thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1729/QĐ-TTg ngày 29/12/2023. Ưu tiên thực hiện các dự án hạ tầng khung, các công trình đầu mối đảm bảo kết nối các khu vực công nghiệp - dịch vụ, du lịch, phát triển đô thị và nông thôn; các dự án đầu tư phát triển cho khu vực đô thị (Xuân Trường, Hồng Ngọc, Trà Lũ, Xuân Phúc), khu vực có khu công nghiệp, cụm công nghiệp, khu bảo tồn thiên nhiên, khu di tích lịch sử quốc gia; các dự án phục vụ cho đề án nâng loại đô thị, các dự án chỉnh trang, nâng cấp công trình hạ tầng xã hội; các dự án đầu tư xây dựng có sử dụng công nghệ tiên tiến, hiện đại, thân thiện môi trường, khai thác hiệu quả tài nguyên, thiên nhiên, các dự án tái tạo năng lượng và tái sinh môi trường tự nhiên, ...

XI. ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP THỰC HIỆN QUY HOẠCH SAU KHI ĐƯỢC PHÊ DUYỆT

Giải pháp cụ thể để thực hiện quy hoạch sau khi được phê duyệt, gồm: Quản lý phát triển vùng; nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác tài nguyên theo hướng phát triển bền vững; xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội; xây dựng cơ chế chính sách và đẩy mạnh thu hút đầu tư, huy động các nguồn lực tham gia vào phát triển kinh tế - xã hội huyện.

XII. ĐỀ XUẤT CÁC GIẢI PHÁP VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG VÙNG

- Giải pháp về cơ chế, chính sách pháp luật: Tổ chức thực hiện nghiêm các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường; xây dựng cơ chế ưu đãi cho doanh nghiệp nhằm khuyến khích và đẩy mạnh hoạt động ứng dụng, chuyển giao công nghệ tiên

tiến, hiện đại thân thiện với môi trường trong mọi ngành sản xuất nhằm hạn chế ô nhiễm môi trường khuyến khích sử dụng năng lượng tái tạo, năng lượng sạch.

- Bảo vệ môi trường đô thị: Đầu tư xây dựng các bồn tĩnh kết hợp vườn hoa cây cảnh tại các cửa ngõ ra vào đô thị; thu gom và xử lý rác thải sinh hoạt: phân loại rác tại nguồn, tổ chức thu nhặt, phân loại rác tại chỗ, tái sử dụng...; cải tạo, nâng cấp hệ thống thu gom xử lý nước thải cũ.

- Bảo vệ môi trường cụm công nghiệp, khu công nghiệp: Ưu tiên thu hút đầu tư xây dựng các trạm xử lý nước thải tập trung, các trạm quản lý và xử lý chất thải rắn, chất thải nguy hại; kiểm soát chặt chẽ các nguồn thải công nghiệp tại cụm công nghiệp, khu công nghiệp, các cơ sở công nghiệp.

- Xây dựng và hoàn thiện hệ thống thoát nước mưa, nước thải tại các khu vực trung tâm xã và tập trung dân cư.

XIII. QUY ĐỊNH QUẢN LÝ THEO QUY HOẠCH

Việc quản lý thực hiện quy hoạch được quy định cụ thể trong “Quy định quản lý theo Điều chỉnh Quy hoạch xây dựng vùng huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định tầm nhìn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050” ban hành kèm theo đồ án quy hoạch.

XIV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. UBND huyện Xuân Trường

- Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật và UBND tỉnh về tính chính xác của các nội dung, thông tin, số liệu, tài liệu, hệ thống sơ đồ, dữ liệu, chỉ tiêu kỹ thuật của đồ án đảm bảo tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định của pháp luật.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức công bố công khai đồ án Quy hoạch được duyệt theo quy định.

- Quản lý chặt chẽ quỹ đất và trật tự xây dựng theo quy hoạch được duyệt và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

- Căn cứ Đồ án quy hoạch được duyệt triển khai việc lập các quy hoạch xây dựng có liên quan tại các khu vực theo yêu cầu phát triển, quản lý đô thị hoặc nhu cầu đầu tư xây dựng.

- Lập chương trình, dự án ưu tiên đầu tư hàng năm và dài hạn, xây dựng kế hoạch thực hiện quy hoạch đồng bộ với việc đầu tư hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội.

2. Sở Xây dựng theo chức năng nhiệm vụ thực hiện việc kiểm tra, giám sát, quản lý công tác xây dựng theo quy hoạch được duyệt và các quy định của pháp luật có liên quan.

3. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Giao thông vận tải và các cơ quan, đơn vị liên quan theo chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm cập nhật quy hoạch theo ngành để quản lý, tổ chức thực hiện quy hoạch theo quy định.

Điều 2. - Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký;

- Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các cơ quan: Sở Xây dựng, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Giao thông vận tải; Chủ tịch UBND huyện Xuân Trường và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VP1, VP5.

Phước

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Hà Lan Anh

Hà Lan Anh